

SỐ 1506

## LUẬN TAM PHÁP ĐỘ

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cù-đàm-tăng-già-đề-bà  
nước Kế Tân dịch vào đời Đông Tấn

### QUYỂN THƯỢNG

Phẩm thứ nhất: ĐỨC

*Biết sinh (chúng sinh) khổ vô lượng,  
Thiện Tịch (Phật) hướng đến an  
Tâm bi đối chúng sinh  
Mà luân chuyển nhiều kiếp.  
Vì diêu, thiện xả thân  
Nói pháp cho hết thủy  
Trí rộng diệt các nẻo  
Cúi lạy Đấng Tối Giác (giác ngộ tối thượng)  
Mở ba pháp môn này  
(là) Nơi quy tụ công đức  
An vui các chúng sinh  
liã xa mọi khổ não  
Trước lạy đấng Thiện Thệ  
Pháp và chúng vô thượng  
Nay nói pháp chơn đế  
Ba (lần) ba như nghĩa ấy.*

**Lời nêu:** Nay nói ba pháp môn.

Hỏi: Tôn giả nói ba pháp môn, ba pháp môn ấy có nghĩa gì?

Đáp: Kinh này là nguyên nhân của pháp nói ở đây. Chỉ có ba pháp nối tiếp nhau mà tuyển chọn ra. Ba pháp này là giả tướng.

Hỏi: Tại sao gọi là chọn ba pháp?

Đáp: Kinh Phật nương vào vô lượng tướng, chúng sinh bị cõi đời ác làm hư hỏng. Mạng sống do ăn mà sống. Muốn tìm ý nghĩa chân thật cho đời sống, nên phải mở bày tư tưởng cho họ, và để họ luôn thọ trì, nên lựa ra ba pháp. Hết thấy cõi đời này, đều nương vào giả tướng và chân tướng. Do mở tư tưởng, cho nên lựa ba pháp ấy.

Hỏi: Tôi muốn nghe ba pháp này?

Đáp: Giác ngộ được Đức, Ác và Y (chỗ nương tựa) là pháp thiện, thù thắng.

Hỏi: Nếu giác ngộ Đức, Ác và Y là pháp môn thiện, thù thắng thì ba pháp này ở Kinh vốn là ba pháp, mỗi pháp có ba phẩm, gọi là Chân độ, cũng có thể nói là ba phẩm. Tuy nhiên, nói như trên là có lời về thứ tự. Vì sao? Vì lẽ ra pháp, thiện, thù thắng phải sắp xếp nói trước, rồi sau mới nói: Đức, Ác và Y nêu giác ngộ?

Đáp: Cái mà người ta vốn đã ham thích hưởng đến rồi, thì không cần nói. Khắp mọi người ở thế gian này đều ưa thích hưởng đến điều thiện, thù thắng (tốt đẹp hơn), thậm chí côn trùng cũng ham thích hưởng đến vui sướng (lạc). Vì sao vậy? Vì ăn cho nên có sự tìm cầu. Các thiện thù thắng là an vui là tuyệt diệu, là đáng yêu. Như vậy, so sánh nghĩa mà nói là thiện, thù thắng. Người thế gian phần nhiều ham thích hưởng đến cầu vui (lạc) mà tạo nhân trái ngược với lạc. Lạc là đại Niết-bàn. Và không bệnh, là thứ người phần nhiều hưởng cầu, mà lại tạo nhân trái ngược với nó. Khổ đã có thì hưởng đến cái vui, cần gì phải nói. Như kẻ đi đường đến nơi nào, nếu đã rõ biết rồi thì đâu cần chỉ đường nữa. Đây cũng vậy, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Thế nào giác ngộ Đức, Ác và Y này liền được, thiện thù thắng? Phải chăng thấy vàng là giác, thấy thuốc là hết bệnh? Cho nên không thể giác ngộ Đức, Ác và Y mà liền có thiện thù thắng?

Đáp: Tuy có lời nói như vậy, nhưng nghĩa không hẳn thế. Nên chọn như thí dụ cây đèn: Thắp đèn thì bóng tối lui ngay. Nhưng không phải thắp đèn, rồi sau đó bóng tối mới tan. Như vậy, trí phát sinh thì liền có trí giác thiện thù thắng. Đó là một nghĩa.

Hỏi: Tên gọi Đức là gồm những gì? Là vì chúng sinh số, là vì sắc-vị-hương ví như để trâu giữ, để tranh luận hay để nhiếp phục chăng?

Đáp: Đó là tướng về Ngã, Dục và chẳng vui mà tạo thành. Kinh nói: Mà trong đây, Đức là phước đức, căn và không ác. Phước đức, căn,

không ác - ba thứ này là tướng về đức. Pháp bạch tịnh, quả pháp và Ngã để làm tướng về đức, mọi thứ đều gồm thâu trong ba thứ này. Nay lần lượt sẽ chỉ bày.

Hỏi: Đã nói phước đức, căn và không ác, những gì là phước (phước đức)?

Đáp: Phước là thí, giới, tu tập luôn luôn hành xử theo thiện, thù thắng gọi đó là Phước, cũng đề cao khử cái ác trong con người. Ba thứ tu, thí, giới ấy như đã nói gọi là Phước.

Hỏi: Đã nói tu, thí, giới là Phước, thế nào gọi là thí?

Đáp: Là thâu gồm được người khác, bằng cách ban cho của cải với suy nghĩ, nguyện đầy đủ và không bám víu. Đó là ba thứ thí.

Hỏi: Điều ấy ra sao?

Đáp: Thí là pháp, Vô úy và tài tức Pháp thí, Vô úy thí và Tài thí. Pháp thí là nói Kinh để ra khỏi thế gian. Vô úy thí là Bát chủng (tám Chánh đạo), Tam quy làm đầu tiên, như Đức Thế Tôn nói: Quy y Phật, là vì vô lượng chúng sinh mà bố thí Vô úy, không kết thù gây ác, ai nấy đều làm như vậy.

Hỏi: Như Thọ tam quy, cũng sát sinh, sao nói Vô úy thí là đứng đầu?

Đáp: Không nói hết thảy chúng sinh, nhưng như tà kiến làm si mê sát sinh, ăn trộm của người khác làm mọi việc ác ày, thì người thọ tam quy vốn không có làm, vì đã có chánh kiến. Nếu thọ Tam quy không có chánh kiến, thì không phải Tam quy. Thế nên, thí cho vô lượng chúng sinh thì Vô úy thí là đứng đầu. người không tiếc tiền của mà bố thí thì thí cho việc ăn uống là đứng đầu, vì muốn thâu phục người khác, nên bố thí. Cúng dường v.v... thì hương hoa là đứng đầu. tự mình làm, hoặc mình và người đều làm. Vì đức gồm cả hai nên đạt quả lớn. Đó là thí thanh tịnh, nên phân biệt rộng như điều đã nói.

*Như gốc cây hữu dụng*

*Có khi cành hữu dụng*

*Hoặc gốc, cành hữu dụng*

*Sự ấy đời thường thấy*

*Phương tiện như vậy thành*

*Thí ấy được quả lớn*

*Có từ nhân duyên tịnh*

*Công đức chung (cả hai) cũng thế.*

Hỏi: Thế nào là giới?

Đáp: Là giới của thân miệng thâu nhiếp người khác, không nhiễu

hại người khác và làm lợi ích cho người khác. Ấy là có ba tướng từ thân miệng phát sinh.

Hỏi: Nghĩa là thế nào?

Đáp: Là thân phục, không hại và làm lợi ích cho mọi người (nhiều ích giới). Thân phục người, là khi họ đói khổ, thiếu thốn, ta yêu mạng sống của họ mà thương cho, không làm tổn hại. Không ăn cắp, không phá hoại vợ người, tất cả đều như vậy, đó là giới thân phục người. Từ bỏ nói hai lưỡi, lời ác, nói dối, nói thêu dệt; đó là giới không hại người. Lại nữa bầy chi không bức bách người khác; đó là giới không gây hại người. Bao kẻ bị khổ vây ngặt, không nơi nương tựa, mà mình cứu giúp, là giới thân phục người. Thọ trì hai giới này nếu phước liên tục phát sinh, thì đó là giới làm lợi ích: Tiếp đến tự hứa: từ nay ta bỏ sát sinh, khi phát tâm thì giới làm lợi liền tăng trưởng. Như xuất ra tài vật mỗi ngày đều có lợi tức. Đã thọ giới, tâm sinh thiện, nối tiếp giữ. Như hạt giống thực chất đã mất mà có ích lợi cho mầm sinh. Nếu không bỏ thiện, liên tục giữ, cho đến giấc ngủ thì càng tăng ích phước đức. Đây gọi là Nhiều ích giới.

Hỏi: Thế nào là tu?

Đáp: Là tu Thiền vô lượng, vô sắc. Ở đây là tu hạnh thiện. Thế nên giống như ướp hoa vào mê. Luyện tập tu ấy ở gần Vua. Như quen luyện tập gần vua, ắt có kết quả. Như vậy, luyện tập tu hành thì được quả bạch tịnh. Nói tu Thiền, là nói bốn nghĩa về niệm.

Hỏi: Là sao?

Đáp: Thiền là ly Dục, Quán, Hỷ và khổ lạc, đó là bốn Thiền. Sơ Thiền đã lìa pháp bất thiện ác, duyên vào thiện, cột tâm trụ vào đó gọi là ly dục. Thiện thứ hai là ly Quán. Quán là sự nhận biết còn rất ít, như tiếng vang của cái linh yếu dần; ở đây không có, gọi là ly Quán, do trước đã lìa dục rồi Thiền thứ ba là ly hỷ. Hỷ là tâm vui trào như sóng biển, trong đây không còn Hỷ và dục, Quán, nên gọi là ly Hỷ Thiền thứ tư là lìa Khổ lạc. Lạc là thân, tâm không bị bức bách; Khổ là bị bức bách, ở đây không có, kể cả dục, Quán, Hỷ; nên gọi là lìa Khổ lạc.

Hỏi: Vô lượng là sao?

Đáp: Vô lượng là gồm: Từ, Bi, Hỷ, Hộ (xả), Bốn thứ này giả tưởng làm vô lượng. Vì duyên với vô lượng chúng sinh, nên gọi là vô lượng. Công đức ấy không thể kể, nên cũng là vô lượng. Từ là thương xót tất cả chúng sinh; tâm hành đầu tiên của mình là làm cho tất cả chúng sinh được tươi vui. Bi là thương xót những chúng sinh khổ não; Ý niệm đầu tiên của mình là làm sao cho chúng sinh lìa bỏ ưu phiền, khổ não. Hỷ là tâm mình dâng trào niềm hoan hỷ khi thấy các chúng sinh

được nhiều niềm vui (lạc). Hộ là không ai cầu xin mà không đồng mãin tha thứ. Chúng sinh có lỗi, nếu làm ác thì chính không phải làm vì vui sướng, mà chính ngược lại quán chúng sinh là nghiệp của tự mình chịu. Tha lỗi như thế gọi là Hộ.

Hỏi: Đã nói vô lượng, thế nào là vô sắc?

Đáp: Vô sắc là không, thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng xứ. Xứ là chỗ nương tựa của bốn thứ. Không là trừ bỏ lỗi lầm của sắc kiến sắc, đó là ly dục, nhất tâm duyên Không, cột ý tưởng mình vào Không, gọi là Không xứ. Không chỉ dựa vào Không, mà có thức, duyên vào thức thì liền có thức xứ. Đó cũng còn nơi dựa, không có chỗ dựa mới hơn. Nếu không có gì cả ấy là vô sở hữu xứ. Đối với lỗi lầm của tướng, kiến và diệt nỗi sợ hãi của tướng kiến mà nhất tâm là phi tướng phi phi tướng xứ, là vô sắc đạo. Như vậy, Thí, Giới, Tu nói trên, hết thấy đều gọi là phước.

Hỏi: Căn là gì?

Đáp: Căn là không tham, không sân, không ngu si. Chẳng tham, chẳng sân, chẳng si là tướng của ba căn này.

Đáp: Không phải là gốc của Đức nói ở trước, mà là gốc của hết thấy pháp lành ở các cõi. Tùy theo nghĩa nào đó trội hơn, thì những cái khác cùng đi theo. Như không tham thì bố thí tăng. Không giận thì giới tăng theo. Không si thì tu hành tăng thêm.

Lại nữa, không tham thì tăng Tài thí, không giận dữ thì tăng vô úy thí, không ngu si thì tăng Pháp thí, nghĩa là cả ba thứ bố thí đều tăng. Lại nữa, không tham thì giới thân phục người tăng. Không giận dữ thì giới không hại người tăng. Không ngu si thì giới làm lợi ích cho người tăng. Nghĩa là ba thứ giới đều tăng. Lại nữa, không tham thì tu thiền tăng, không giận dữ thì tu lượng tăng, không ngu si thì tu Vô sắc tăng. Đó là ba thứ tu đều tăng. Lại nữa, không tham thì tăng trưởng chẳng làm ác, không giận dữ thì tăng trưởng nhẫn nhục, không ngu si thì tăng trưởng đa văn. Như vậy, căn, lực là gốc của mọi hạnh lành. Không tham thì đối với mọi tư cụ vốn có Ý không ham lợi, không ham vướng mắc; Không giận, thì cơn giận bị dập tắt; không ngu si, thì diệt ngu si, cho nên nói là Căn (gốc).

Hỏi: Thế nào là không ác (vô ác)?

Đáp: Không ác là nhẫn nhục, đa văn và không làm ác (bất ác). Không ác là Thế tục số, giả tướng. Lại nữa, ác là chẳng ghét điều ác. Vì chẳng tăng điều ác nên nói không ác. Không ác ấy là nói nghĩa diêu, thiện. Tăng điều ác nói không Nhẫn nhục là chịu khổ, tự kiểm chế trước

mọi thể lực sang, hèn, mạnh, yếu mà không giận. Tùy theo sự việc thuộc thể lực nào, cũng tự kiềm chế không giận, mà tha thứ. Bị khổ bức ngặt không giận ấy là nghĩa nhẫn nại (chịu đựng). Bị thể lực sang bức ngặt, tha thứ không trả báo, nhưng đối với người tệ ác khiến khởi giận, với thể lực rất mạnh bức ngặt, mà cũng không giận, đó là Nhẫn nhục. Bị thể lực hèn yếu bức ngặt càng gia tăng tha thứ, cho dù có thể trả báo mà không đáp trả. Như vậy, đó là lỗi chúng sinh; nghĩa nhẫn nại lỗi hành nay sẽ nói: Hành khổ đó là sự lao nhọc của nắng, gió, nóng, lạnh, đói, khát, bị khổ bức bách, nên tự mình kiềm chế khổ này. Từ hai sự gây khổ não, đối với thân “không giận, đối với vô tình mà giận, ấy là nói theo chúng sinh, nhân duyên, là do y cứ vào hại sự bức bách thân nên chịu đựng nhẫn nhục.

Hỏi: Đã nói nhẫn nhục; thế nào là đa văn?

Đáp: Đa văn là khả năng trừ dâm-nộ-si; học rộng về khế kinh, A-tì-đàm và Luật, ấy là đa văn; ngoài ra thì không phải đa văn. Khế kinh là thuộc những gì Tát-văn-nhã nói, và ấn khả; chỉ rõ phải nhiệm uế, bạch tịnh, bốn Thánh đế và lìa khỏi vô lượng ác. A-tì-đàm là phân biệt rõ hết những gì nói ở Khế Kinh. Luật là nói đến những oai nghi lễ tiết, khiến cho thanh tịnh. Đó là ba thứ đa văn. Trong ấy, Luật gọi là chế dục; A-tì-đàm phần nhiều chế ngự sân. A-tì-đàm vốn nói các tánh nghiệp, nhờ đó ngăn chặn sân; Do sân mà phạm giới; do phạm giới mà bị đọa địa ngục. Khế kinh phần nhiều chế ngự si. Vì Kinh nói đến mười hai nhân duyên.

Hỏi: Đã nói thế nào là chẳng làm ác (bất ác)?

Đáp: Bất ác là chân tri thức, chân ngữ ý và chân do. Chân tri thức là từ, thiện, năng tri thức. Thầy, trò và đồng học thuộc ba loại này.

Hỏi: Có phải Thầy là từ, trò là thiện, đồng học là năng lực; nói như vậy chẳng?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì không nói sai biệt như thế. Tự, thiện, năng lực là tướng của chân tri thức. Lấy đó quan sát Thầy, trò và đồng học. Trong đây tướng Từ mạnh nhất, tạo thành hai thứ còn lại. Hoặc có từ nhưng không thiện (giỏi) biết sự, cũng không có năng lực thuyết. Như cha tuổi già không có đức. Hoặc có năng lực mà không thiện, hoặc dù có từ nhưng không thiện nên dạy bảo điều ác, như bọn Lục sư... Nếu người thành tựu đầy đủ ba tướng này thì nên biết đó là chân tri thức. Hoặc Thầy có lỗi nên hư hoại, trò có lỗi và đồng học có lỗi, do đó đầy đủ thành tựu ba tướng, bậc chân tri thức ấy đáng nên tìm cầu.

Hỏi: Đáp là Chân tri thức; còn thế nào là chân chế ngự ý?

Đáp: Là tướng về Chỉ, Cử và Hộ một cách đồng mãnh. Hưởng tướng về chỉ, Cử và Hộ đó là đồng mãnh. Chỉ là ngăn tâm ý buông lung, làm cho hạ xuống. Đây vì quán tướng trạng của nó nên nói là Chỉ: Cử là giúp cho ý nhu nhược thấp kém; trợ sức nó đẩy lên cao. Đây cũng quán tướng trạng mà nói là Cử. Hộ là lấy ý bình đẳng tùy thuận theo mà hiện hành. Như người giỏi đánh xe, nếu xe chạy chậm, thì thúc cho nhanh; nếu xe chạy mau, thì kìm bớt lại. Giữ mực đi quân bình đó là Hộ; trong bốn Vô lượng tâm thì Hộ (xả) đối với chúng sinh không vừa ý, lấy Từ làm hộ đầu tiên; còn trong đây là Ý bình đẳng hộ.

Hỏi: Làm sao biết như Ý hạ thấp phải nâng lên, Ý đương cao phải kiềm chế, và Ý bình đẳng là hộ?

Đáp: Há không phải là tùy ý mình muốn là chân chế ngự Ý (chế ngự Ý thật sự) sao? Vì thế cho nên đây là tùy Ý mình muốn, tùy thời, tùy phương tiện. Nếu còn có cao, thấp thì không phải chân chế ngự ý.

Hỏi: Đó là chân chế ngự Ý; thế nào là chân do (nền tảng chân thật)?

Đáp: Chân do là Cự, Phương tiện và Quả. Chân thật là nền tảng gọi là hưởng đến kia, hoặc nói là tập luyện, tu tập. Chân do ấy là Cự, Phương tiện là Quả.

Hỏi: Cự thuộc cái gì?

Đáp: Trước đã nói đó là thiện và thù thắng.

Hỏi: Cự là những thứ gì?

Đáp: Đó là thiện tổn, phục căn và Cận hành thiện. Chúng trợ giúp hạnh thiện, nên nói là Cự. Ví như Hành cự, Túc cự (dụng cụ để đi, dụng cụ của chân). Cự là nghĩa chi tiết. Cự này gồm ba loại là thiện tổn, phục căn và cận hành Thiện.

Hỏi: Thế nào là thiện tổn, (khéo tổn hoại)?

Đáp: Đó là Ý phản tạo, vô sự và khát thực. Tổn giảm trong các tu thì gọi đó là khéo tổn hoại. Thiện tổn ấy chính là nghĩa làm cho thanh cao, đậm bạc. Như hai thợ làm tượng; một có tăng thêm, một có tổn giảm. Thợ mộc, thợ đá làm cho tổn giảm; thợ đắp bùn, thợ vẽ làm cho tăng đẹp mà không chịu được gió mưa. Cũng như vậy, hai loại người: tại gia và xuất gia. Người xuất gia Ý giải thoát hệ lụy gia đình, đã bỏ mọi thứ, lấy tổn giảm loài hạnh diệu (tốt). Người tại gia tăng thêm thân tộc vợ con, mọi sự được thành, tuy có mọi thứ là vị ngon ngọt nhưng tương ái, biệt ly, sầu thương, tranh đấu v.v... là hổ phá hoại của gió mưa phi pháp, Ý không chịu nổi. Cũng như tượng vẽ, bị gió mưa làm hư. Không phải người xuất gia. Như đức Thế Tôn nói:



*Như chim được vẽ  
 Cổ xanh sắc đẹp  
 Quyết không thể bằng,  
 Ngõng, nhạn cùng bay,  
 Tại gia cũng vậy,  
 Không bằng Tỳ Kheo,  
 Vắng lặng, xa lìa,  
 Tọa thiền thanh vắng.*

Đó gọi là thiện tổn. Mặc y phần tảo, khát thực và vô sự; ba công đức trong sạch này là căn bản của mười hai hạnh Đầu-đà, chín thứ còn lại là quyến thuộc. Nay sẽ nói chi tiết ba thứ này. Đức Thế Tôn muốn giúp cho Nan Đà hoan hỷ, nên Ngài nói ba điều ấy bằng kệ:

*Nan Đà! Thầy thấy gì?  
 Vô sự, y phần tảo,  
 Biết rồi, vui càng cao  
 Lìa bỏ, không nhiễm dục.*

Vì thế cho nên biết, ba thứ này là căn bản. Lại do bốn thứ ái sinh đó là y phục, thức ăn, chỗ ngồi và hữu (thân). Vì yêu thích y phục nên nói mặc y phần tảo. Vì yêu thích ăn uống nên nói khát thực ; vì yêu thích chỗ ngồi nên nói vô sự. Nếu thành tựu ba công đức này thì đó là diệt yêu thích hữu. Vì thiện tổn nên lại có hai loại phá trừ là chấp Ngã hành và Ngã sở tác. Do tham y phục, ăn uống, chỗ ngồi mà sinh ra chấp đó là do mình làm ra (Ngã sở tác), mà Ngã hành kia là do ba công đức thanh tịnh này ngăn chặn tà chấp. Nếu diệt một sự, là nhất định đoạn trừ được chấp Ngã, Thế nên nói là công đức thanh tịnh.

Hỏi : Thế nào là Y phần tảo ?

Đáp : Là ba y làm bằng vải sợi (chiên y) tùy ngồi. Y phần tảo này vốn đủ cả ba y làm bằng vải sợi tùy ngồi. Nếu kể y phần tảo chỉ có ba thì tương ứng có chín công đức thanh tịnh, như vậy là trái với Kinh nói : Ý phần tảo là Y cũ nát chắp vá từ những miếng vá từ những miếng vải lượm nơi nghĩa địa, ngõ hẻm. Còn ba y là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng và An-đà-hội ? Ấy là vì hoặc có người trì giữ ba y mà yêu thích y tốt, do đó gấp rút tìm cầu. Bởi yêu thích này gây nhiều phiền toái. Nếu không được nhiều thì ba y là tốt nhất. Yêu thích có hai loại : Yêu chất lượng tốt và yêu số lượng nhiều. Ví như tìm một người nữ tốt đẹp nhất và tìm cả ngàn người nữ không đoan chính. Như thế, yêu thích số nhiều, nên Phật chế ba y, lại phát sinh tâm yêu cái tốt đẹp. Do đó, Phật vì họ nói : Trì ba y có sáu loại như bằng vải thô, gai, dây ... trong đó được dùng một loại.



Sau khi chọn một loại cho là tốt, chấp loại ấy tốt gây lắm nhiều phiền, nên Phật lại vì họ nói y làm bằng vân sợi (chiên y). Như thế, trì ba y này ở trong chúng, nơi giường tòa ở nhà bạc y, nếu thấy tòa nào tốt thì dời đến ngồi vì họ thuyết pháp. Tùy tòa ngồi rồi, không nên vì cái tốt hơn mà dời tòa, cho ta là lớn, bắt người khác đứng dậy. Đó là ý nghĩa tùy tòa mà ngồi. Như vậy, ba y đầy đủ đều là phần tảo.

Hỏi : Thế nào là Vô sự ?

Đáp : Là ở dưới gốc cây, đất trống và luôn chánh tọa (ngồi ngay thẳng). Thọ đầy đủ ba thứ này và vô sự tức bốn thứ đây trừ tâm yêu thích nơi chôn ở. Tịnh tấn trong bốn việc này, người tín thí bèn tạo nhà, bày tòa, giường lớn, mềm mại, khiến người giáo hóa sinh tâm đấm trước. Đức Thế Tôn vì các Tỳ Kheo mà nói : Các người đã bỏ nhà mình, không nên tham đấm nhà người khác, nên bỏ tham đấm ấy mà vui với vô sự. Các đệ tử Phật đã thực hành hạnh vô sự rồi, lại tham đấm ở phòng, thất, lầu cao rộng. Đây cũng như vậy. Tuy trong vô sự mà còn vui thích phòng, thất, lầu cao, khác nào tuy cưỡi xe ngựa mà bị lừa kéo. Thế nên, Phật dạy phải ngồi dưới gốc cây. Lại đã ngồi dưới gốc cây rồi, còn chê cây xấu, thích cây tốt mà tìm đến những cây to, nhiều hoa quả. Thế nên, Phật dạy phải ngồi nơi đất trống. Thân này được thí chủ nuôi dưỡng, lại đâu phải chỉ vì việc này, mà nên lọc các vui của Thần tiên, không có nhà và ái ràng buộc. Lại đã ngồi ở chỗ trống trải rồi, suy nghĩ thế này : Ta đã thực hành những hạnh gian khó rồi, nên xả bỏ chánh tư duy, ngã người xuống nằm dài nghỉ ngơi cả ngày cho sướng. Do đó, đức Thế Tôn dạy, không thể cất tai rồi lại làm đẹp cái đầu. Vì thế, các người nên giữ gìn chánh tọa, trải cỏ mà ngồi kết già phu, quán sát thế gian như thật mà tạo sự nghiệp cho mình. Như thế là đầy đủ hạnh vô sự.

Hỏi: Vô sự là vậy, thế nào là khát thực?

Đáp: Khát thực là ăn một bữa, quá Ngọ không ăn uống chất đặc (cơm, cháo, bột.... chỉ uống chất lỏng). Người xuất gia sống nơi gò mả, có hai thứ ăn, ăn theo chúng Tăng và xin ăn. Ăn theo chúng Tăng là ăn đầy đủ, do tín thí cúng, hoặc để tín thí khỏi vất vả, họ làm phòng nấu ăn ngoài xa. Còn khát thực, thì đi xin thức ăn từng nhà, được rất ít, nên gọi là khát thực. Ngoài lối sống đó thì đều là tà mạng. Khi ăn theo chúng Tăng, dễ nghĩ như vậy: Ta có khả năng đến nhà thí chủ để ăn. Nghĩ vậy thì nổi lên kiêu mạn. Thế nên Đức Phật dạy là phải đi khát thực, khát thực rồi, cứ mãi lo ăn sẽ bỏ phước việc học, do vậy Đức Thế Tôn dạy chỉ ăn một bữa, như Ngài nói:

*Người nên giữ ý niệm,*

*Mỗi khi ăn, biết đủ,  
Tức là thọ dụng ít,  
Dễ tiêu hóa, sống lâu.*

Đã hành trì ăn một bữa, tâm vẫn đắm trước ở thức ăn, bèn nghĩ như vậy: Đức Thế Tôn chỉ cho phép uống những chất đặc (sau Ngọ). Do đó, đi tìm cầu những thức uống ngon, mà phớt bỏ việc học ; Khát thì uống nước cũng hết khát. Cho nên, phải giữ gìn hạnh nhất thực, qua giữa trưa không nên ăn uống chất đặc. Đã thực hành hạnh ăn ít, biết đủ rồi, lại ưa thích tắm rửa thân thể, do đó Phật dạy : Đây cũng như tưởng ăn, khiến tăng thêm ngạo mạn. Vì sao ? Vì thân này do việc ăn mà sinh trưởng, dù có béo tốt cuối cùng cũng vứt ở nghĩa địa. Do đó phải biết vui sống thanh bần nơi gò mả, để có dịp tốt mà chiêm nghiệm chuyện của thế gian:

Từ hết thấy thức ăn, mà cuối cùng là thân rệu rã nơi gò mả, với sự phình trương lên, máu mủ chảy lan ra. Thấy vậy, thì bao nhiêu cao ngạo tan biến hết. Như vậy, nói về khát thực đã xong. Đó gọi là thiện tổn.

Hỏi: Thế nào là phục căn?

Đáp: Là bất hại, thủ và hàng. Phục căn là khả năng chế ngự các căn, là ba loại : bất hại căn, thủ hộ căn và hàng phục căn.

Hỏi : Thế nào là bất hại ?

Đáp: Về căn thì trước đã nói. Làm hại căn là không có khả năng điều phục căn. Ví như ngựa dù không cho ăn uống nhưng không biết phương pháp, cũng không huấn luyện được. Cho ăn uống đầy đủ, và biết cách thì vẫn điều phục nó được. Như vậy, làm hại căn thì không điều phục được. Nhiếp giữ các căn có thể điều phục. Nếu làm hại căn mà gọi là điều phục, thì đó chỉ là kẻ ly dục mù lòa. Thế nên chớ có hại căn. Nhưng trực tiếp chế ngự cảnh giới của căn, lấy chánh tư duy nhiếp giữ chúng thì liền được thủ hộ căn. Như đã từng nói:

*Các căn đến cảnh giới,  
Nên xa lìa mọi tưởng,  
Không gây hại cảnh giới,  
Chỉ trừ chỗ tham đắm.*

Hàng phục các căn, là như thấy một cô gái xinh đẹp thì nảy sinh ý tưởng đó là mẹ ta. Ba loại kể trên gọi là phục căn.

Cận hành thiền còn gọi là Nhẫn. Vì tưởng đến gần với tư duy nên gọi là Cận hành thiền.

Hỏi: Tiến gần đến điều gì ?

Đáp: Như trước đã nói đó là thiện và thù thắng.

Hỏi: Như trước đã nói bốn Thiên rồi, sao đây còn lại lập nữa?

Đáp: Trước nói, Thiên chủ yếu hướng đến sinh tử làm chính, còn đây ý nghĩa xuất khỏi sinh tử làm chính, thứ tự mà quán sát Chân đế. Như người lần đầu vượt qua quãng đồng rộng vắng vẻ, nhưng lại thấy mọi thứ hoa trái, hồ ao xinh xắn, với bao nhiêu dòng nước trong đang chảy, những vườn hoa trang trí đẹp đẽ; thấy vậy, người ấy liền biết đó không phải là đồng rộng vắng vẻ, mà nó nằm sát bên kinh thành. Như vậy, hành giả ở trong đồng hoang sinh tử, bị dâm, nộ, si làm cho mệt nhọc phiền lụy, rồi được chơn tri thức dạy bảo chánh tư duy, quán xét về ấm, giới, nhập, biết chúng là Khổ, Không, vô thường, vô ngã, lúc ấy như có đục lặc (ham muốn an lạc) trong quán tưởng này thì gọi là Nhẫn. Ý chánh tư duy không bị lay động, xem mọi thứ đều như chiêm bao, như bóng trong gương ; chịu khó quán tưởng như thế gọi là thế gan đê nhất pháp. (Thế đê nhất pháp). Do Đức Thế Tôn tưởng đó gọi là Cận hành thiên. Hành giả quán tưởng thứ tự biết rõ như giấc chiêm bao v.v... sau đó được quán Thánh đế.

(Phân chân độ thứ nhất, Cụ trong phẩm Đức đã nói xong)

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Phương tiện là Giới, Thượng chỉ và trí Phương tiện là con đường, dẫn đến nẻo thiện thắng nên gọi là phương tiện. Đó là ba ấm : Giới, Thượng chỉ và Trí.

Hỏi: Phải chăng là nói lại Giới?

Đáp: Trước nói thiện thắng có hai thứ: Một thọ sinh, hai là ra khỏi sinh tử. Giới nói trước là về thọ sinh. Còn đây nói là giới về xuất ly sinh tử, có nghĩa là rèn luyện.

Hỏi: Việc này là sao?

Đáp: Giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Ba thứ này gọi là giới. Chánh ngữ là từ bỏ nói hai lưỡi, lời ác, nói dối, nói thêu dệt. Chánh nghiệp là lìa sát-đạo-dâm. Chánh mạng là Tỳ Kheo tăng hành khát thực, y phục, dược cụ, đó là chánh mạng. Ngoài lối sống đó, đều là tà mạng. Người Ưu bà tắc từ bỏ năm nghề là: đao gậy, chất độc, rượu, ăn thịt chúng sinh. Đó là chánh mạng.

Hỏi: Thế nào là Thượng chỉ (hướng thượng mà dừng lại).

Đáp: Là Tấn-Niệm-Định. Thượng chỉ ấy là hoàn bị đủ ba thức này. Lại nữa, diệt trừ dâm-nộ-si, gọi là thượng chỉ; hướng đến kia mà trợ nên gọi là Thượng chỉ. Ba thứ Tấn, Niệm, Định; thì tấn là Lực. Lại năng tác nên nói là Tấn. Tấn là hành là khả năng đi tới thiện và thù

thắng. Cho nên gọi là Tấn.

Hỏi: Nó như thế nào?

Đáp: Là Tín, cần và Bất xả (Tin, siêng năng và không từ bỏ) mượn ba thứ này đặt tên gọi là tấn. Tại sao? Do lòng tin làm gia tăng hạnh lành. Nó đứng trước mọi điều lành, là bậc nhất trong mọi pháp; như thường nói:

*Kẻ sī tin, hành,  
Được Thánh khen ngợi.  
Vui với vô vi,  
Cởi mọi trói buộc.*

Đó là ba thứ lòng tin.

Hỏi: Là ba thứ gì?

Đáp: Lòng tin là Tịnh-Dục và Giải. Trong ba thứ tin: Tịnh-Dục-Giải, thì tịnh là mọi ô trược, những điều ác trong con người. Giận dữ, kiêu ngạo, không biết hổ thẹn của con người, là những căn đục, như dòng suối trong, bị voi, trâu lội, dẫm, nổi bùn đục ngầu, dừng lại thì lắng trong. Như vậy, giận dữ, kiêu ngạo, không biết hổ thẹn của con người là những ý nghĩ loạn đục, không loạn ý nữa thì trong. Dục là yêu thích sự tốt đẹp, như kẻ đang mắc bệnh ngặt, không ưa muốn nghe pháp bệnh khỏi rồi mới ham thích. Kẻ bị điều ác vây ngặt, không ưa muốn nghe pháp, được thiện tri thức dẫn dắt rồi, mới vui thích nơi pháp, kẻ ấy liền nghĩ: Pháp này vi diệu biết bao, đó gọi là dục.

Giải là nắm giữ chắc chắn. Như kẻ bị rắn độc cắn, khi thầy thuốc trị dùng chú đem nọc ra, thì người này chú ý hết sức, liền nghĩ: Thật là chú linh nghiệm nên được khỏi. Ý tin khả năng cứu khỏi ấy mới đi tìm thuốc. Như thế người bị rắn độc đâm nộ si cắn cũng vậy. Vì thương xót họ, nên Đức Thế Tôn giảng nói pháp. Nếu họ tin hiểu thì ý không có gì khác, chắc chắn đâm nộ si của họ được trừ hết. Còn những gì không trừ được là do không tin hiểu.

Hỏi: Tín là vậy, thế nào là Cần?

Đáp: Cần là khởi, tập và chuyển. Ba thứ khởi, tập, chuyển gọi là cần. Khởi là mới bắt đầu hành thiện, như khi muốn dùi lấy lửa phải tạo các dụng cụ tạo lửa. Tập là làm đi làm lại mãi. Chuyển là duyên vào một đối tượng, không buông lìa, không phân tán ý, như cứu lửa đang cháy đầu mình.

Hỏi: Thế nào là Bất xả?

Đáp: Là không ngừng, không chán, không lìa ra. Ba điều ấy gọi là Bất xả. Không ngừng là bất cứ khi nào cũng không tách xa với nó.

Không chán là bản thân tinh tấn hết mực, không phế bỏ, không lìa là một mực siêng năng bền bỉ, chịu mọi vất vả. Hoặc có kết quả hay không cũng không bao giờ rời buông. Tinh tấn không buông rời như vậy gọi là Bất xả. Có ba việc ấy, chắc chắn đạt kết quả, như kẻ đi đường vui thích nơi mình tới.

Hỏi: Đã nói về Tấn, còn Niệm là thế nào?

Đáp: Niệm là Thân, Thống, tâm pháp ở trong, ngoài và cả hai đều không quên. Ba, loại niệm: trong, ngoài và đều (câu) thì vì tự mình gọi là trong; ngoài khác là ngoài; cả hai gọi là đều. Lại nữa, bên trong là Thọ Ấm-Giới-Nhập, bên ngoài là thọ từ người khác và không thọ là đều. Lại nữa, ba phiền não ở trong, ngoài và cả hai đều có. Bên trong là Tham, bên ngoài là giận. Giận là vì người khác, không phải tự giận. Hoặc nghĩ như vậy; tham muốn cũng vì kẻ khác; thì điều này không đúng. Tại sao? Bên trong nhiễm, bên ngoài mới bị cái khác làm phát sinh ham muốn, là do bên trong dấn trước. Kinh nói: Ví như nhìn người nữ, thì nội căn, ngu si và cả hai đều hiện hành. Nếu diệt ba phiền não ấy, gọi là ba niệm. Thân và ba: Thống (thọ) tâm, pháp mỗi thứ có ba thành mười hai thứ niệm.

Hỏi: Đã nói Niệm, còn Định là thế nào?

Đáp: Là Không, Vô Nguyện, Vô Tướng, là ba thứ định. Vì sự rộng không, nên gọi là Không.

Hỏi: Có nhiều thứ như: Không, làng xóm không, nhà cửa không, như vậy là nói đến cái Không nào, trong những thứ Không đó?

Đáp: “Không” là Ngã hành, Ngã tác và cả hai đều không thấy (chấ thấy), do vậy nên gọi là Không.

Hỏi: Sao có thể không thấy Ngã hành và Ngã tác? Như Đức Thế Tôn nói: Thuở ấy, Ta (Ngã) là Phạm chí tên Tỳ lam. Lại nữa, như đã nói: Nay Tỳ Kheo, tay Ta (Ngã) nắm lấy hư không là như vậy chăng?

Đáp: Không phải Ngã hiện hành, Ngã tạo tác như thế, mà chỉ là tạm mượn gọi Ngã (ta). Nhưng chỉ trong năm ấm chấp Ngã là Ngã hành, thì Đức Thế Tôn không chấp hành như vậy. Hoặc đối với cảnh giới, chấp trước Ngã cho đó là Ngã tác, thì Đức Thế Tôn cũng không có. Như Kinh Thánh Pháp Ấn nói: “Không” là quán thế gian rộng không. Như vậy mà so sánh với Ngã, Ngã sở cũng đều được thành nghĩa không. Do đó nên nói Không chung thì không sai.

Hỏi: Vô Nguyện là gì?

Đáp: Là không ưa lập quá khứ, vị lai, hiện tại. Vô nguyện nghĩa là chẳng xác lập, đi vào quá khứ, vị lai, hiện tại, và là không lập nghĩa,

vì hết thấy đều là pháp hữu vi. Như kinh Thuyết Xứ nói: Nếu nói Vô nguyên: là không thụ nhiếp ba thứ: Ý-Ngã và Niết-bàn, thì điều này không nên vậy. Vì sao? Vì một không có hai nghĩa. Niết Bàn là xa lìa thế gian, hoàn toàn không có duyên trong đó, không có Ý, Ngã là lìa khỏi ba đời, lại không có Niết bàn bất khả thuyết này. Đó là nghĩa không ưa xác lập của Vô nguyên.

Hỏi: Vô tướng là thế nào?

Đáp: Vô tướng là lìa tất cả sự tướng, tạo tác và cả hai. Lìa ba thứ này gọi là Vô tướng; lìa hết thấy hữu vi; hết thấy là sự và tạo tác. Cái được làm là sự, chủ thể tạo ra là tác. Như do Vô minh mà Phước, Phi phước, Bất động tạo ra Hành. Chúng duyên nối tiếp mà có sinh ra Thức tức là sự. Vô minh và Hành là sự. Vô minh và Hành là tác. Như vậy, nếu lìa tất cả hữu vi, thì gọi là Vô tướng.

Lại như Kinh Thánh Pháp Ấn nói: Vô tướng là không thấy sắc tướng. Như vậy, tất cả nói trong Kinh ấy cũng là nói ba nghĩa ở đây là: Lìa sự, tác và cả hai; nhưng cách nói có khác mà thôi. Ví như nói sông không có nước hoặc nói không thấy nước ở sông. Chỉ là một nghĩa. Không, Vô nguyên, Vô tướng cũng như vậy, đó gọi là Định.

Hỏi: Thế nào là Trí?

Đáp: Là sở hành của kiến địa, Tu địa và Vô lục địa. Trí chính là giác. Trong ba địa này, vì thấy cho nên gọi là Kiến địa.

Hỏi: Thế nào là thấy? Thấy những gì?

Đáp: Là thấy cái chưa từng thấy, là giác đạo chi Căn, Lực của Thánh địa và thật tu ấy là tu tập. Như dùng nước tro tốt, giặt áo, dù áo sạch mà không còn dơ nhưng vẫn còn mùi tro. Sau đó phải dùng nhiều thứ hoa hương xông ướp nó. Như vậy là kiến đạo. Các định Thiền, Vô lượng, Ý thanh tịnh đoạn trừ hết mọi kiết sử, hết mực huân tập, gọi là Tu địa Vô học địa là dâm-nộ-si bị diệt sạch, không còn sót chút nào. Đó gọi là Vô học.

Hỏi: Trí của Kiến địa là gì?

Đáp: Là Pháp, Quán và Vị tri trí. Tức là Pháp trí, Quán trí, và Vị tri trí. Đó là trí của Kiến địa. Pháp trí, nghĩa là hiện trí. Ví như thầy thuốc, biết ung nhọt đã chín mùi, liền lấy dao mổ nó, sau mới dùng ngón tay làm cho đường máu huyết lưu thông khiến không tổn thương gì đến mạch máu mà còn phá được ung nhọt. Người tu hành cũng như vậy. Khi chánh tư duy quán khổ nơi cõi dục, đoạn trừ hết phiền não thuộc về kiến khổ đã đoạn, phát sinh trí thứ hai, biết cõi dục là khổ, vô thường; ở cõi Sắc, Vô sắc cũng như vậy. Từ trí này so sánh (Tỉ trí) mà đoạn phiền

nào ở cõi Sắc, Vô sắc. Đó gọi là ba trí thuộc về Kiến khổ. Ở cõi dục, ái là nhân của khổ; biết rõ nhân này là Pháp trí tức là Quán trí, như vậy biết cõi Sắc, Vô sắc là Vị trí trí. Đó là ba trí thuộc về kiến Tập. Đã diệt ở cõi dục là Pháp trí Đạo tức là quán trí; cõi Sắc, Vô sắc là Vị trí trí, đó gọi là kiến tận ba trí thuộc về Kiến tận (Diệt) Đạo con đường diệt khổ ở cõi dục, là Pháp trí tức Quán trí như vậy cõi Sắc, vô sắc là Vị trí trí. Đó gọi là ba trí Kiến đạo, phối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo thành mười hai trí Kiến địa như đã nói rộng, nên biết.

Hỏi: Thế nào là Tu địa?

Đáp: Là Tướng tri, Hành tri và Chứng tri. (trí biết về tướng, hành và chứng).

Hỏi: Tướng là thế nào?

Đáp: Tướng là khởi, trụ và hoại. Khởi là sinh, trụ là thành, hoại là hư hoại.

Hỏi: Nói rộng về chúng sinh, Niết Bàn thì có nghi rằng chúng sinh và Niết bàn cũng có tướng này. Nếu có thì đó là một lỗi lớn, tức có là vô thường. Nếu không phải vậy, thì kinh này có lỗi, lẽ ra phải nói khởi, trụ, hoại là tướng hữu vi?

Đáp: Chúng sinh là đối với nói tướng thì đúng, ngoài ra “Không thể nói” Nếu khác đây tức có thường. Đó là hai lỗi. Niết bàn không thể nói (bất khả thuyết) cũng như vậy. Thế nên, phân biệt phải biết nói tướng ấy hoàn toàn là tướng hữu vi.

Hỏi: Nay nói về công đức, tướng này thế nào là công đức?

Đáp: Nay nói về trí, nếu trí trong ba tướng này tức là công đức không phải là tướng.

Hỏi: Hành là gì?

Đáp: Hành là vô thường, khổ, và Phi ngã kiến. Hành là biết hết nghĩa của hành. Tướng này, do hành ấy, biết nghĩa của hành ấy, là biết ấm thì vô thường. Do vô thường nên khổ, nếu đã khổ là không tự tại cho nên chẳng phải ngã. Vô thường là không dừng lại lâu, như bọt nước, khổ là sự bức bách, như tên cắm vào thân thể. Phi ngã (Vô ngã) là không tự tại, như mượn chuỗi ngọc đeo chơi thôi. Đó là hành.

Hỏi: Thế nào là Chứng?

Đáp: Chứng là, vị ngọt, hiểm họa và lia. Chứng là vị ngọt, là hiểm họa, là lia.

Hỏi: Là sao?

Đáp: Là hữu vi. Trong đó, vị ngọt là diệu. Hiểm họa là ác. Lia là người đều ngừng lại. Cái vui thú của Trời người là vị, ba đường khổ là



hiểm họa, ra khỏi tội phước là lia. Quán như vậy là công đức của chánh kiến, tức được giải thoát, đó là chủng. Đây là trí của Tu địa?

Đáp: Là Đạt trí, Thông trí và Hữu biện trí. Ba trí này của Vô học địa.

Hỏi: Thế nào là Đạt trí?

Đáp: Là Túc mạng trí, sinh tử trí và Lưu tận trí. vì khả năng đạt đến của những trí này, nên gọi là Đạt, còn có nghĩa là Tri. Túc mạng trí hờ biết mọi việc đã làm trong quá khứ; Sinh tử trí biết được nghiệp quả; Lưu tận trí sẽ nói ở phần sau. Lại nữa, phiền não có ba thứ, thuộc lãnh vực của quá khứ, vị lai, hiện tại. Quá khứ có mười tám kiến chấp. Vị lai có bốn mươi bốn kiến chấp. Hiện tại đây là thân kiến. Do vậy mà sinh trong hiện tại. Ở trong sự phân biệt quá khứ, vị lai; nếu chứng đắc Túc mạng trí thì không bác bỏ quá khứ. Nếu chứng đắc sinh tử trí, thì không si mê. Nếu chứng đắc Lưu tận trí ở vị lai, là không đấm trước hiện tại.

Hỏi: Thế nào là Lưu tận trí?

Đáp: Lưu tận trí là Tận trí, Vô sanh trí và Nguyện trí. Quán Ngã, phiền não như vậy điều trừ hết là Tận trí. Không sanh trở lại là Vô sanh trí. Ví như Thầy thuốc chữa bệnh rắn cắn; biết bệnh trừ hết độc đó là Tận trí; không bị nọc độc làm nhiễm trở lại là Vô sanh trí. Nguyện trí là hành Thanh văn dùng Túc mạng trí tự nhớ sự sanh nối tiếp ấy không phải của người khác. Nguyện trí này do nguyện nân cũng biết mọi người khác, đó gọi là Nguyện trí.

Hỏi: Thế nào là Thông trí?

Đáp: Là Như ý túc, Thiên nhĩ và Tha tâm trí. Như Ý túc sẽ nói ở phần sau. Thiên nhĩ là do định lực ở trong một duyên mà tăng trưởng tứ đại tịnh. Thiên nhĩ này tùy theo lực có thể nghe tiếng từ cõi trời, người cho đến nẻo ác. Như mắt, hoặc thấy gần, thấy xa tùy thị lực của mình. Như vậy, tùy theo định lực mà chứng đắc Thiên nhĩ. Tha tâm trí là biết tâm niệm của chúng sinh như thế... giống như thấy nghe tiếng chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là Như ý túc?

Đáp” Là tự tại đi lại trên không, tự tại biến hóa và Thánh tự tại. Đi lại trên không tự tại là lướt trên nước, đi trên hư không, có thể khuyên vào đất, đi qua vách đá, sờ chạm mặt trời, mặt trăng. Biến hóa tự tại là có thể hóa hiện làm người, voi, ngựa, xe, núi, rừng, thành, quách... Thánh tự tại là có thể hóa thành sống lâu, hóa nước làm sữa, hóa đất đá thành vàng. Ngoài ra, so sánh như vậy. Gọi là Như ý túc, là những phần tăng ích, trưởng dưỡng của hàng Thánh. Như ý túc, Thiên

nhĩ, Tha tâm trí gọi là Thông trí, hợp với Túc mạng trí, sinh tử trí là Ngũ thông của phàm phu.

Hỏi: Thế nào là Biện trí?

Đáp: Là trí biết rõ về pháp, trí biết rõ về nghĩa, trí biết rõ về từ, và trí biết rõ thích ứng. Bốn loại biết rõ này gọi là Biện trí. Biết rõ về pháp là biết rõ danh, cú vị. Biết rõ về nghĩa là biết rõ tánh thật của pháp. Như lửa là danh, cái nóng của nó là nghĩa; không si mê mà biết rõ tánh của nó. Biết rõ về từ là biết rõ văn này, chi tiết thứ tự như vậy. Biết rõ thích ứng là không điên đảo nói về cú, văn, chi tiết; cũng không lầm lẫn. Đây trong phần nói trí của Học địa đã nói rộng rồi.

Hỏi: Như giới và định, trong Học, Vô lậu địa cũng có thể đạt được giới, định, sao không nói thành ba loại?

Đáp: Không có mỗi giới sai biệt, không phải là Học thì lìa sát sinh, chúng sinh hết sức hộ trì còn Vô học thì không như thế. Nếu học không sát sinh thì cũng chính là Vô học như vậy, không có sai khác. Vì thế không nói ba loại. (Phần Chân độ thứ hai (phương tiện) trong phẩm Đức đã nói xong).

